

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc tập trung, nuôi dưỡng các đối tượng
là người lang thang, người xin ăn trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;
Căn cứ Luật người cao tuổi ngày 23/11/2009;
Căn cứ Luật người khuyết tật ngày 17/6/2010;
Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;
Căn cứ Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội;
Căn cứ Nghị định số 81/2012/NĐ-CP ngày 08/10/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2008/NĐ-CP và Nghị định số 109/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 195/CP ngày 31/12/1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi;
Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24/10/2014 của liên bộ: Lao động – Thương binh và Xã hội và Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 20/10/2013 của Chính phủ;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 125/TTr.SLĐTBXH ngày 02/3/2015 về việc tập trung, nuôi dưỡng các đối tượng là người lang thang, người xin ăn trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về việc tập trung, tiếp nhận, quản lý, nuôi dưỡng đối tượng là người lang thang, xin ăn, người sinh sống nơi công cộng không có nơi cư trú nhất định trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào chăm sóc nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập do nhà nước quản lý.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Người lang thang trên địa bàn tỉnh quy định tại Điều 1 bao gồm:

1. Người lang thang xin ăn, người kết hợp công việc khác với việc xin ăn;
2. Người lang thang sinh sống nơi công cộng;
3. Người dẫn dắt trẻ em hoặc mang theo trẻ em, người khuyết tật để bán hàng rong đeo bám chèo kéo khách;
4. Các đối tượng xã hội khác sống lang thang trên đường phố.

Điều 3: Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người lang thang xin ăn (người khuyết tật, người có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần, kể cả người có hành vi gây mất trật tự xã hội, gây nguy hiểm cho người khác hoặc có các biểu hiện hành vi thiếu văn hóa nơi công cộng; người kết hợp công việc khác với việc xin ăn) là những người trực tiếp đi xin, hoặc người vừa kết hợp hành vi đi xin với công việc khác (có tính đối phó khi bị kiểm tra, phát hiện) như: bán hàng rong, bán sách báo, bán vé số, đánh giày, bán báo, bán hàng rong; giả danh Tu sĩ Phật giáo để đi khất thực; giả danh đi tìm người thân, bị mất cấp trên đường, lỡ tàu xe để đi xin ăn, người bị đau ốm đang nằm viện,...

2. Người lang thang sinh sống nơi công cộng: là những người bị cơ nhờ do tàu xe, bị mất cấp chưa liên hệ được người thân, tạm thời phải sinh sống nơi công cộng; hoặc những người có nơi cư trú, có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú nhưng không sinh sống tại đó mà đi lang thang, không có nơi ở cố định và ăn, ngủ tại những nơi công cộng như vỉa hè, chợ, bến xe, bến tàu, công viên,...

3. Người dẫn dắt trẻ em, người khuyết tật hoặc mang theo trẻ em, người khuyết tật để bán hàng rong, đeo bám chèo kéo người đi đường: là những người đi theo để hỗ trợ hoặc trực tiếp dẫn dắt mang theo trẻ em, người khuyết tật để bán hàng rong, bán sách báo, vé số dạo,...

4. Các đối tượng xã hội khác sống lang thang trên đường phố: là những người già yếu, trẻ em, người khuyết tật nặng, người ốm yếu không còn khả năng lao động sống lang thang trên đường phố, không xác định được nơi cư trú, ăn, ngủ, sinh hoạt tại những nơi công cộng như vỉa hè, chợ, bến xe, công viên,...

Điều 4. Phương thức thực hiện

UBND các huyện, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện) có trách nhiệm chỉ đạo phòng Lao động – Thương binh và Xã hội và phòng, ban chức năng các huyện, thành phố phối hợp với Công an các địa phương và UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là UBND cấp xã) tổ chức tập trung các đối tượng quy định ở Điều 1 Quyết định này, đưa vào Trung tâm xã hội tỉnh để quản lý, nuôi dưỡng, phân loại và giải quyết cho trở về gia đình (trường hợp có thân nhân bảo lãnh), hòa nhập cộng đồng hoặc chuyển về các Trung tâm bảo trợ xã hội chuyên biệt.

Điều 5. Quy trình tập trung chuyển giao đối tượng

1. UBND cấp xã tổ chức tập trung đối tượng quy định ở Điều 1 Quyết định này

và chuyển giao các đối tượng như sau:

a) Đối với những đối tượng có hộ khẩu thường trú, tạm trú dài hạn tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu:

- Đơn vị tập trung phải liên hệ gia đình đối tượng đến làm thủ tục bảo lãnh và lập cam kết không để đối tượng tái lang thang, xin ăn. Thời gian liên hệ gia đình đến làm thủ tục bảo lãnh không quá 06 (sáu) giờ và lập danh sách các đối tượng bị tập trung gửi UBND cấp xã để UBND cấp xã có biện pháp quản lý, giáo dục và tạo điều kiện cho đối tượng ổn định cuộc sống.

b) Đối với những đối tượng không có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và đối tượng có hộ khẩu thường trú tại tỉnh xác định được nơi cư trú nhưng người thân không đến bảo lãnh và đối tượng chưa xác định được địa chỉ nơi cư trú, không có giấy tờ tùy thân:

Đơn vị tập trung lập biên bản, chuyển đối tượng về Trung tâm xã hội tỉnh. Thời gian chuyển đối tượng về Trung tâm xã hội là 01 (một) ngày; hồ sơ tạm nhập đối tượng vào Trung tâm xã hội như sau:

-Đơn của đối tượng hoặc người giám hộ (theo mẫu số 8 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐT BXH-BTC);

-Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội (trong thời gian chờ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội bổ sung mẫu “Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội”, trước mắt tạm thời tiếp tục sử dụng mẫu “Biên bản xác nhận đối tượng không nơi nương tựa cần được giúp đỡ” đã và đang thực hiện cho đến khi Bộ ban hành mẫu Tờ khai).

-Công văn đề nghị tạm nhập đối tượng vào Trung tâm của đơn vị bàn giao đối tượng.

c) Trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, đơn vị tập trung đối tượng hoàn tất hồ sơ gửi về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để ra Quyết định tiếp nhận. Hồ sơ như sau:

-Đơn của đối tượng hoặc người giám hộ (mẫu số 8 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐT BXH-BTC ngày 24/10/2014);

-Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội (trong thời gian chờ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội bổ sung mẫu “Tờ khai đề nghị trợ giúp xã hội”, trước mắt tạm thời tiếp tục sử dụng mẫu “Biên bản xác nhận đối tượng không nơi nương tựa cần được giúp đỡ” đã và đang thực hiện cho đến khi Bộ ban hành mẫu Tờ khai);

-Bản sao chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân của đối tượng (nếu có);

-Biên bản đối với trường hợp khẩn cấp có nguy cơ đe dọa tính mạng của đối tượng;

-Văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND cấp huyện gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh;

-Biên bản bàn giao đối tượng;

-Văn bản đề nghị của Chủ tịch UBND cấp xã nơi đối tượng đang ở hoặc nơi phát

hiện thấy cần sự bảo vệ khẩn cấp.

2. Quản lý, phân loại và chuyển đối tượng về các Trung tâm chuyên biệt: Trong thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tiếp nhận đối tượng, Trung tâm xã hội có trách nhiệm quản lý, nuôi dưỡng, giải quyết hồi gia, hòa nhập cộng đồng, hoặc chuyển đối tượng đến nuôi dưỡng tại các Trung tâm chuyên biệt như sau:

a) Đối với đối tượng là trẻ em, người cao tuổi không có con cháu, người thân đến bảo lãnh: Trung tâm xã hội có văn bản đề nghị Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chuyển về các Trung tâm chuyên biệt. Các Trung tâm chỉ thực hiện việc chuyển và tiếp nhận đối tượng khi có Quyết định của Sở, cụ thể như sau:

- Nếu đối tượng là người cao tuổi (không bị bệnh truyền nhiễm): chuyển về Trung tâm nuôi dưỡng người già neo đơn.

- Nếu đối tượng là trẻ em dưới 16 tuổi (trẻ nhiễm HIV/AIDS, trẻ lang thang kiếm sống, trẻ có cha hoặc mẹ đang trong thời gian thi hành án, trẻ khuyết tật...): chuyển về Trung tâm Bảo trợ trẻ em Vũng Tàu.

- Nếu đối tượng là trẻ em trẻ mồ côi dưới 16 tuổi: chuyển về một trong hai Trung tâm: Bảo trợ trẻ em Vũng Tàu hoặc Trung tâm công tác xã hội.

* Riêng đối với các trường hợp đối tượng là trẻ em bị tâm thần nặng thì Trung tâm xã hội chịu trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng sao cho phù hợp với lứa tuổi của trẻ em (sắp xếp, bố trí nơi ăn nghỉ, chế độ dinh dưỡng, chăm sóc y tế,...).

Trường hợp sau khi chuyển về các Trung tâm chuyên biệt mới phát hiện đối tượng có biểu hiện tâm thần, lao hay các bệnh truyền nhiễm khác: nếu bệnh nhẹ thì Trung tâm chuyên biệt tiếp tục quản lý nuôi dưỡng; nếu có biểu hiện bệnh nặng (có ý kiến xác nhận của cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên) thì Trung tâm đó có văn bản đề nghị Sở chuyển đối tượng về Trung tâm xã hội để chăm sóc.

b) Đối với đối tượng lang thang, xin ăn trong độ tuổi lao động, còn khả năng lao động (người từ đủ 16 tuổi):

- Nếu xác định được nơi cư trú, Trung tâm xã hội có trách nhiệm liên hệ với gia đình đến cam kết, làm thủ tục bảo lãnh về gia đình để quản lý nuôi dưỡng; đồng thời thông báo cho chính quyền địa phương (xã, phường, thị trấn) nơi đối tượng cư trú để phối hợp quản lý, giáo dục. Chính quyền địa phương, sau khi nhận được văn bản của Trung tâm xã hội, có trách nhiệm tiếp nhận đối tượng trở về địa phương và tạo điều kiện cho đối tượng ổn định cuộc sống nhằm hạn chế tình trạng tái lang thang.

- Trường hợp đối tượng không xác định được nơi cư trú hoặc xác định được nơi cư trú nhưng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tiếp nhận, Trung tâm đã liên hệ với gia đình nhưng gia đình không đến bảo lãnh thì Trung tâm giải quyết cho hòa nhập cộng đồng.

c) Đối với đối tượng là người khuyết tật lang thang (kể cả người tâm thần hoặc có biểu hiện tâm thần): Trung tâm thông báo về gia đình, địa phương nơi đối tượng cư trú (nếu xác định được địa chỉ nơi cư trú) để làm thủ tục bảo lãnh về quản lý nuôi dưỡng tại gia đình. Trường hợp gia đình không đến bảo lãnh hoặc các đối tượng không xác định

được nơi cư trú thì Trung tâm tiếp tục nuôi dưỡng và liên hệ chính quyền địa phương thực hiện việc xác định mức độ khuyết tật cho đối tượng. Trong quá trình nuôi dưỡng nếu bệnh tình thuyên giảm (có kết luận của Bệnh viện tâm thần tỉnh đối với người tâm thần hoặc cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên đối với người khuyết tật) thì Trung tâm giải quyết cho đối tượng hòa nhập cộng đồng.

3. Đối với các trường hợp đặc biệt:

- Thời gian nuôi dưỡng đối tượng tại Trung tâm không quá 03 (ba) tháng (như đối tượng trong độ tuổi lao động có khả năng lao động bị tập trung sau khi vào Trung tâm bị bệnh nặng tạm thời không thể tự lo liệu được cuộc sống, những trường hợp đặc biệt khác phải có ý kiến của Sở Lao động-thương binh và xã hội).

- Đối với đối tượng tái lang thang, Trung tâm áp dụng hình thức lao động bắt buộc cho đối tượng, thời gian lao động bắt buộc tại Trung tâm là 03 (ba) tháng. Trong thời gian này, Trung tâm sẽ quản lý, theo dõi, đánh giá quá trình lao động, giáo dục của đối tượng, cụ thể như sau:

+ Nếu đối tượng thực hiện lao động tốt: Trung tâm có trách nhiệm liên hệ gia đình đến làm thủ tục bảo lãnh và giải quyết hòa nhập cộng đồng cho đối tượng.

+ Nếu đối tượng không thực hiện lao động tốt: Trung tâm tiếp tục áp dụng biện pháp lao động bắt buộc cho đối tượng. Định kỳ 01 tháng, Trung tâm đánh giá lại quá trình giáo dục, lao động của đối tượng và xem xét giải quyết bảo lãnh, hồi gia đối với đối tượng thực hiện giáo dục, lao động tốt.

4. Những trường hợp trong quá trình nuôi dưỡng nếu phát hiện mắc các bệnh xã hội như: lao, HIV... (do Trung tâm y tế cấp huyện xác nhận) thì thời gian nuôi dưỡng tại Trung tâm theo thời gian điều trị bệnh xã hội trong chương trình quốc gia về phòng chống bệnh xã hội. Khi hoàn thành chương trình điều trị hoặc có ý kiến của Trung tâm y tế cấp huyện trở lên (đối với người nhiễm HIV) thì Trung tâm giải quyết cho hòa nhập cộng đồng.

Điều 6. Giải quyết bảo lãnh cho đối tượng:

Trung tâm xã hội sẽ là đơn vị giải quyết bảo lãnh cho đối tượng lang thang, xin ăn trước khi chuyển đối tượng về các đơn vị chuyên biệt; hồ sơ giải quyết bảo lãnh gồm:

1. Đơn xin bảo lãnh của gia đình, người thân (ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột), người giám hộ theo quy định của pháp luật có xác nhận của UBND cấp xã. Đơn bảo lãnh cần thể hiện các nội dung sau:

- Thông tin người bảo lãnh và người được bảo lãnh (họ tên, năm sinh, hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú dài hạn, mối quan hệ giữa người bảo lãnh với người được bảo lãnh);

- Cam kết của gia đình đối tượng trong việc quản lý, giáo dục, và ổn định cuộc sống cho đối tượng khi được bảo lãnh trở về gia đình.

2. Chứng minh nhân dân, Sổ Hộ khẩu và các giấy tờ liên quan đến người được

bảo lãnh.

Điều 7. Đưa đối tượng về địa phương:

1. Định kỳ cuối quý II hàng năm, Trung tâm xã hội có trách nhiệm lập danh sách những đối tượng lang thang, xin ăn (kể cả người khuyết tật, tâm thần đã thuyên giảm) ở các tỉnh, thành phố khác đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm báo cáo về Sở chủ quản để Sở thông báo cho các tỉnh bạn đến đón đối tượng trở về địa phương.

2. Trong quý III hàng năm, Sở Lao động-thương binh và xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sẽ thông báo về Sở Lao động-thương binh và xã hội các tỉnh, thành phố có các đối tượng lang thang, xin ăn trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã được tập trung để tỉnh bạn có kế hoạch phối hợp đón đối tượng trở về địa phương.

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Chỉ đạo UBND cấp xã chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức tập trung đối tượng lang thang, người xin ăn trên địa bàn; phối hợp với Trung tâm xã hội tỉnh trong việc giải quyết bảo lãnh cho đối tượng (UBND cấp xã phải có ý kiến cụ thể khi xác nhận đơn bảo lãnh cho đối tượng).

b) Tuyên truyền, phổ biến giáo dục nhằm tạo sự đồng thuận trong nhân dân về thực hiện chủ trương ngăn chặn, xử lý tình trạng xin ăn biến tướng, lang thang đánh giày, bán hàng rong đeo bám, chèo kéo khách du lịch.

c) Tạo điều kiện để đối tượng ổn định cuộc sống (hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm...) hạn chế tình trạng tái lang thang; tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra UBND cấp xã trong việc tổ chức triển khai thực hiện.

2. Công an tỉnh: chỉ đạo, hướng dẫn công an các huyện, xã phường, thị trấn trong việc phối hợp với ngành Lao động-thương binh và xã hội và UBND cấp xã trong việc tập trung các đối tượng theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Chỉ đạo, tổ chức việc điều tra và phối hợp các cơ quan chức năng để xử lý triệt để, nghiêm minh theo quy định của pháp luật đối với những người có hành vi tổ chức, xúi giục, ép buộc người khác đi ăn xin.

3. Sở Lao động-thương binh và xã hội:

a) Trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, xem xét thẩm định hồ sơ và ban hành quyết định tiếp nhận các đối tượng quy định tại Điều 1 của Quyết định này vào Trung tâm xã hội tỉnh; trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, xem xét và ban hành quyết định chuyển đối tượng quy định tại Tiết a Khoản 2 Điều 5 Quyết định này vào Trung tâm nuôi dưỡng người già neo đơn, Trung tâm Bảo trợ trẻ em Vũng Tàu, Trung tâm

Bảo trợ cô nhi khuyết tật; trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, xem xét và ban hành quyết định đối với đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều 5 Quyết định này.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm xã hội trong việc tiếp nhận, phân loại, sắp xếp nơi ăn ở, chăm sóc sức khỏe, dạy văn hóa, dạy nghề cho các đối tượng trong thời gian nuôi dưỡng tập trung tại Trung tâm; giải quyết cho đối tượng trở về gia đình, cộng đồng.

c) Thông báo và phối hợp với các Sở Lao động-thương binh và xã hội các tỉnh, thành phố có các đối tượng lang thang, xin ăn trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã bị tập trung và đang được nuôi dưỡng tại Trung tâm xã hội để chuyển trả đối tượng về địa phương quản lý và có biện pháp giải quyết, hạn chế tình trạng tái lang thang.

4. Sở Thông tin truyền thông, Đài Phát thanh – Truyền hình; Báo Bà Rịa – Vũng Tàu có kế hoạch thông tin, tuyên truyền thường xuyên và liên tục về công tác tập trung đối tượng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến thôn ấp, cụm dân cư, tổ dân phố để người dân hiểu rõ và cung cấp thông tin cho chính quyền địa phương tập trung các đối tượng tại Điều 1 Quyết định này.

Các đơn vị nói trên và Trung tâm Công tác xã hội tỉnh (có chức năng nhiệm vụ tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức, phát triển cộng đồng) cần xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền, vận động người dân không cho tiền trực tiếp các đối tượng xin ăn trên đường phố; vận động người dân có lòng hảo tâm nên gửi tiền hoặc hiện vật đến quỹ từ thiện của các tổ chức, đơn vị có chức năng làm công tác từ thiện - xã hội để hỗ trợ cho các đối tượng xã hội.

Điều 9. Kinh phí hoạt động:

-UBND cấp huyện cân đối, bố trí kinh phí thực hiện công tác tập trung đối tượng được quy định tại Điều 1 của Quyết định này từ nguồn chi đảm bảo xã hội hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước.

-Các đơn vị có chức năng nhiệm vụ tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức, phát triển cộng đồng: xây dựng nội dung kế hoạch hoạt động, dự toán kinh phí, hàng năm lồng ghép đưa vào kinh phí hoạt động chuyên môn thường xuyên của đơn vị, thông qua cơ quan chủ quản trực tiếp trình UBND tỉnh cấp kinh phí.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 56/2007/QĐ-UBND ngày 24/08/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ban hành quy định trình tự lập hồ sơ,

giao nhận, phân loại quản lý và nuôi dưỡng đối tượng xã hội và Quyết định số 2382/QĐ-UBND ngày 14/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ban hành quy định các biện pháp giải quyết tình trạng người lang thang xin ăn, tâm thần lang thang sinh sống nơi công cộng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Giao trách nhiệm cho Sở Lao động-thương binh và xã hội hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 11. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Lao động-thương binh và xã hội, Tài chính, Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Thông tin – Truyền thông, Giám đốc Công an tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm xã hội và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 11;
- Website Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động-thương binh và xã hội;
- Cục kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);
- TTrực.Tỉnh ủy, TTrực.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Ban VHXXH-HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh;
- Báo Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu: VT,TH.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thanh Dũng